

Thanh Hóa, ngày 16 tháng 3 năm 2023

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP THI CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH

Ngày thi: 11,12/3/2023

TT	Mã SV	Họ lót	tên	Ngày sinh	Lớp	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
1	217203D600	Lê Thị	Ái	10.09.1983	KCN	6,0	9,0	2,5	4,0	5,5	
2	217403D501	Trần Thị Vân	Anh	20.11.1996	KCN	6,0	6,5	1,5	5,0	5,0	
3	217403D507	Hoàng Thị Thanh	Anh	09.06.1986	KCN	6,0	5,5	1,5	6,0	5,0	
4	217403D502	Bùi Đức	Anh	19.08.1993	KCN	6,0	8,5	2,5	3,0	5,0	
5	217203C600	Lê Tuấn	Anh	16.12.1996	KCN	6,0	4,5	2,0	2,5	4,0	
6	227107D315	Nguyễn Thế	Anh	09.01.1995	KCN	6,0	9,0	2,5	6,5	6,0	
7	217403D509	Nguyễn Văn	Bắc	21.05.1981	KCN	4,5	6,0	3,5	6,5	5,0	
8	207203C001	Lưu Văn	Cương	04.01.1991	KCN	6,0	6,0	2,5	4,0	4,5	
9	218107D601	Phạm Thành	Chung	14.01.1984	KCN	7,5	5,0	3,0	6,0	5,5	
10	217403D512	Nguyễn Thị	Dung	01.08.1995	KCN	6,5	5,5	2,5	3,0	4,5	
11	177701C502	Đỗ Phương	Dung	03.02.1996	KCN	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
12	217403D513	Hà Anh	Dũng	25.10.1978	KCN	5,0	7,5	2,5	4,0	5,0	
13	217203C602	Nguyễn Tiên	Dũng	10.10.1995	KCN	6,0	6,0	3,5	5,0	5,0	
14	207203T501	Lê Văn	Dũng	20.11.1993	KCN	6,0	5,0	2,5	4,5	4,5	
15	207203C002	Trịnh Đình	Dũng	05.08.1989	KCN	5,0	7,5	2,0	3,0	4,5	
16	217203T600	Lê Trạc	Đạt	17.03.1996	KCN	6,0	8,5	2,5	2,0	5,0	
17	218107D801	Lê Tuấn	Đạt	08.02.1986	KCN	6,0	7,0	2,0	3,0	4,5	
18	217403D514	Phạm Duy	Đông	06.06.1985	KCN	5,5	6,5	5,5	4,0	5,5	
19	217203D601	Tào Minh	Đức	25.12.1979	KCN	6,0	8,5	2,5	3,0	5,0	
20	217203T601	Nguyễn Văn	Đức	02.09.1990	KCN	6,0	6,0	2,5	5,5	5,0	
21	207203C004	Hoàng Đức	Hải	01.08.1981	KCN	6,0	5,5	1,5	5,5	4,5	
22	217403D503	Lê Thị Hồng	Hạnh	05.11.1993	KCN	7,0	5,0	2,5	5,0	5,0	
23	217403D517	Đỗ Thị Hồng	Hạnh	01.05.1987	KCN	6,0	6,0	1,5	5,0	4,5	
24	217403D518	Trương Thị	Hằng	30.09.1984	KCN	6,0	6,0	3,5	6,0	5,5	
25	177701C005	Nguyễn Minh	Hằng	21.11.1996	KCN	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
26	217403D519	Lê Thị	Hiền	10.07.1980	KCN	6,0	9,0	2,5	2,5	5,0	
27	207203C005	Dương Thị	Hiền	17.06.1986	KCN	6,0	4,0	3,5	3,0	4,0	
28	217203T602	Nguyễn Ngọc	Hiếu	30.04.1990	KCN	6,0	7,5	3,5	5,0	5,5	
29	217403D520	Ngô Thị	Hoa	10.01.1981	KCN	6,0	5,0	2,5	3,0	4,0	
30	207203T002	Nguyễn Mạnh	Hòa	25.08.1993	KCN	5,0	8,0	2,5	3,0	4,5	
31	217403D523	Hồ Minh	Hoàn	12.10.1975	KCN	6,0	8,5	1,5	3,0	5,0	
32	217403D525	Nguyễn Diệu	Hoàng	10.07.1987	KCN	6,0	4,0	2,5	6,0	4,5	
33	217403C504	Lê Đình	Hoàng	28.05.1997	KCN	6,0	7,0	3,0	2,5	4,5	
34	217403D527	Bùi Thị	Hồng	11.11.1981	KCN	6,0	3,5	2,5	4,5	4,0	
35	217403D528	Phùng Bá	Hồng	12.01.1982	KCN	5,0	4,5	1,5	4,0	4,0	

TT	Mã SV	Họ lót	tên	Ngày sinh	Lớp	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
36	217403D529	Bùi Thị	Huệ	25.03.1982	KCN	5,5	5,0	1,5	3,5	4,0	
37	217403D530	Lê Mạnh	Hùng	05.06.1986	KCN	6,5	6,0	1,5	2,5	4,0	
38	217403C505	Lê Sỹ	Hùng	14.05.1979	KCN	5,5	6,0	2,5	2,0	4,0	
39	217203D602	Trần Mạnh	Hùng	11.06.1985	KCN	5,0	6,0	2,0	3,0	4,0	
40	217403D532	Nguyễn Quang	Hưng	12.10.1978	KCN	5,0	6,5	2,5	5,5	5,0	
41	217403D505	Trịnh Thị	Hương	05.08.1993	KCN	5,0	6,0	3,0	2,0	4,0	
42	218403D600	Đỗ Thị Nhật	Lệ	20.10.1996	KCN	4,5	8,0	1,5	3,0	4,5	
43	217403D533	Hoàng Thị	Liên	23.09.1983	KCN	6,0	9,0	1,5	6,0	5,5	
44	217203D603	Đặng Thị Diệu	Linh	12.11.1991	KCN	6,0	9,0	3,5	6,0	6,0	
45	217403D534	Lê Thị	Loan	02.10.1988	KCN	5,5	4,0	2,5	3,0	4,0	
46	217203C604	Lê Sỹ	Long	31.08.1987	KCN	5,0	4,0	3,0	3,5	4,0	
47	207203T503	Lường Tú	Long	06.04.1986	KCN	4,0	8,0	2,0	5,0	5,0	
48	217203D604	Vũ Phương	Mai	18.04.1991	KCN	5,5	8,0	2,5	5,0	5,5	
49	217403D536	Vũ Văn	Minh	19.09.1981	KCN	5,0	4,0	2,5	3,5	4,0	
50	217403D537	Mai Thị	Mỹ	15.10.1987	KCN	5,0	6,0	5,0	6,0	5,5	
51	217403D538	Đỗ Hoài	Nam	15.06.1975	KCN	5,0	8,0	2,0	5,5	5,0	
52	207902C714	Lê Thị	Nga	3.12.1973	KCN	3,0	4,0	3,5	5,0	4,0	
53	217403D541	Đỗ Tất	Nguyên	24.12.1986	KCN	4,5	5,5	1,5	6,5	4,5	
54	218900D863	Lê Thị	Nguyệt	24.08.1989	KCN	5,5	8,5	1,5	4,5	5,0	
55	217403D543	Lê Hoài	Nhon	10.10.1979	KCN	5,0	2,5	2,5	5,0	4,0	
56	217203C605	Nguyễn Thị	Nhung	20.11.1989	KCN	5,5	8,5	2,5	4,5	5,5	
57	217403C506	Phan Thị Lan	Phương	14.06.1987	KCN	5,5	4,5	4,5	5,0	5,0	
58	217403T501	Mai Thị	Phương	05.09.1988	KCN	5,0	9,0	1,5	4,0	5,0	
59	207203C007	Nguyễn Hữu	Sinh	20.06.1988	KCN	5,5	2,5	3,5	4,0	4,0	
60	217403D547	Lê Thanh	Sơn	19.12.1980	KCN	4,5	7,0	3,0	7,0	5,5	
61	217403D548	Phan Văn	Sự	19.11.1986	KCN	5,0	7,5	2,0	4,0	4,5	
62	218107D804	Lê Thị	Tâm	10.05.1992	KCN	6,0	9,0	2,5	7,5	6,5	
63	227107D314	Lê Thế	Tấn	20.02.1997	KCN	6,0	7,0	4,5	6,0	6,0	
64	217403D549	Nguyễn Việt	Tiếp	20.01.1980	KCN	6,0	6,5	7,0	4,5	6,0	
65	217403D550	Lê Văn	Tịnh	10.04.1977	KCN	4,0	7,0	8,5	5,5	6,5	
66	217403D551	Nguyễn Văn	Tú	10.06.1987	KCN	1,0	7,5	3,0	5,0	4,0	
67	217203T603	Vũ Thanh	Tuân	10.11.1982	KCN	5,0	8,5	3,0	3,5	5,0	
68	217403D553	Phan Doãn	Tuấn	10.09.1977	KCN	5,5	5,0	2,5	4,0	4,5	
69	217403D554	Nguyễn Văn	Tùng	12.11.1987	KCN	5,0	4,0	3,5	4,5	4,5	
70	207902C515	Trương Văn	Tùng	10.02.1980	KCN	4,0	3,0	2,5	5,5	4,0	
71	217403D555	Lê Văn	Tuyên	10.11.1975	KCN	5,0	7,5	2,5	4,0	5,0	
72	227107D310	Đỗ Ngọc	Tuyên	02.04.1989	KCN	5,0	5,0	2,5	5,0	4,5	
73	218107D806	Trịnh Đình	Thái	01.06.1984	KCN	5,0	6,0	5,5	6,0	5,5	
74	217403D556	Nguyễn Thái	Thanh	29.10.1979	KCN	4,5	5,0	1,5	5,5	4,0	
75	217403D558	Lê Thị	Thảo	07.08.1987	KCN	5,5	4,0	3,5	3,5	4,0	
76	217403D559	Lê Thị	Thảo	28.08.1994	KCN	6,0	5,0	3,5	5,5	5,0	

TT	Mã SV	Họ lót	tên	Ngày sinh	Lớp	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
77	218107D617	Trịnh Văn	Thế	06.05.1979	KCN	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
78	217403D561	Đỗ Thị	Thịnh	21.04.1979	KCN	5,5	3,5	5,0	5,5	5,0	
79	217403D562	Mai Thị	Thơ	01.07.1988	KCN	5,0	9,5	1,5	4,0	5,0	
80	217403D563	Nguyễn Thị	Thùy	02.09.1981	KCN	5,5	4,0	2,5	3,0	4,0	
81	217403D565	Nguyễn Tài	Thức	16.08.1985	KCN	4,5	6,0	3,5	3,0	4,5	
82	217403D566	Đào Thị Hương	Trang	11.03.1990	KCN	5,5	5,5	4,0	5,5	5,0	
83	217403D567	Phạm Đình	Vân	14.01.1974	KCN	3,5	9,0	4,5	3,5	5,0	
84	217403C502	Nguyễn Thị Thùy	Vân	21.02.1988	KCN	5,0	4,0	2,0	5,0	4,0	
85	217403D568	Phạm Hồng	Vinh	02.09.1981	KCN	5,0	8,5	2,5	4,0	5,0	
86	217403D569	Trần Thị	Vui	06.02.1984	KCN	5,5	7,5	2,5	4,5	5,0	
87	217203C607	Lê Thị	Xinh	14.01.1987	KCN	5,5	7,0	2,5	4,0	5,0	
88	217403D570	Nguyễn Mạnh	Yên	22.12.1979	KCN	5,0	7,5	1,5	3,0	4,5	
89	217702D501	Hoàng Hồng	Anh	12.10.1986	CN	8,0	10,0	9,0	9,0	9,0	
90	217702D614	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	23.08.1990	CN	8,5	9,5	9,0	9,5	9,0	
91	217702D503	Trần Hùng	Cường	20.09.1987	CN	8,0	10,0	10,0	9,0	9,5	
92	217702D505	Lê Xuân	Chính	09.08.1989	CN	8,0	10,0	10,0	8,0	9,0	
93	217702D507	Lê Thị	Dung	27.07.1979	CN	8,5	9,5	9,0	9,0	9,0	
94	217702D508	Nguyễn Thùy	Dung	12.04.1995	CN	8,5	9,5	9,5	9,5	9,5	
95	217702D557	Đỗ Thị	Duyên	30.10.1992	CN	8,0	9,5	9,5	9,5	9,0	
96	217701C501	Vũ Thị	Duyên	20.10.1985	CN	8,0	10,0	9,5	9,0	9,0	
97	217701C502	Hà Tâm	Dương	10.04.1995	CN	8,5	9,5	9,5	9,5	9,5	
98	217702D512	Lê Minh	Đức	16.08.1991	CN	8,5	9,5	10,0	9,5	9,5	
99	217702D560	Nguyễn Thị	Hà	16.04.1986	CN	8,0	9,0	9,5	9,5	9,0	
100	217702D513	Trương Thị	Hà	27.10.1979	CN	8,0	9,0	10,0	9,0	9,0	
101	217702D514	Lê Phương	Hào	12.04.1987	CN	8,5	10,0	10,0	9,0	9,5	
102	217702D515	Mai Thị Ngọc	Hằng	16.02.1980	CN	9,0	9,0	10,0	8,5	9,0	
103	217701C503	Trương Thị	Hoa	20.04.1998	CN	8,5	8,5	10,0	8,5	9,0	
104	217702D516	Nguyễn Thị	Hồng	23.05.1988	CN	8,0	9,0	9,5	9,0	9,0	
105	217701D502	Lê Thị	Huê	08.09.1987	CN	8,0	9,0	9,5	9,5	9,0	
106	217702D567	Lê Thị	Huê	15.12.1994	CN	8,0	10,0	9,0	9,5	9,0	
107	217702D568	Lê Việt	Hùng	11.06.1982	CN	8,0	9,5	10,0	8,5	9,0	
108	217702D519	Nguyễn Thị	Huyền	26.11.1986	CN	8,0	9,0	9,0	8,5	8,5	
109	217702D521	Phan Thị Thanh	Huyền	02.02.1986	CN	8,0	10,0	10,0	8,5	9,0	
110	217702D571	Hoàng Thị	Huyền	30.03.1993	CN	8,5	9,5	10,0	9,0	9,5	
111	217702D572	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	14.08.1997	CN	8,0	8,0	10,0	8,5	8,5	
112	217701C504	Lê Thị	Huyền	03.09.1990	CN	8,5	9,5	9,5	8,5	9,0	
113	217702D522	Dư Thị	Hương	05.10.1983	CN	8,0	8,5	9,5	8,5	8,5	
114	217702D574	Trần Thị	Hương	20.06.1993	CN	8,5	9,5	10,0	8,5	9,0	
115	217701C505	Phạm Thị	Khanh	10.10.1985	CN	8,0	9,5	9,5	8,5	9,0	
116	217702D523	Nguyễn Thị Thùy	Linh	14.07.1991	CN	9,0	9,5	9,5	9,0	9,5	
117	217702D525	Trịnh Thị Anh	Loan	15.04.1982	CN	8,5	10,0	9,5	8,5	9,0	

TT	Mã SV	Họ lót	tên	Ngày sinh	Lớp	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
118	217701D503	Vũ Thị	Loan	06.10.1990	CN	8,5	10,0	10,0	9,0	9,5	
119	217701C506	Lê Ngọc	Luyến	09.08.1986	CN	8,5	8,5	9,5	9,0	9,0	
120	217702D527	Nguyễn Thị Hải	Lý	29.05.1986	CN	8,5	9,5	10,0	8,5	9,0	
121	217702D580	Chu Thị	Nam	10.02.1993	CN	8,5	10,0	9,5	8,5	9,0	
122	217701C507	Nguyễn Thục	Nguyên	23.06.1981	CN	8,5	10,0	10,0	9,0	9,5	
123	217702D532	Nguyễn Thị	Nguyệt	27.08.1996	CN	8,0	9,0	9,0	9,0	9,0	
124	217701C508	Hoàng Thị	Nhung	12.07.1987	CN	8,5	9,5	10,0	8,5	9,0	
125	217701C509	Phạm Quỳnh	Như	05.09.1997	CN	8,5	9,0	9,5	8,5	9,0	
126	217702D533	Trịnh Thị Hà	Phương	20.10.1988	CN	8,0	9,5	9,5	9,0	9,0	
127	217702D535	La Thị	Quế	24.02.1986	CN	8,5	9,0	9,5	9,0	9,0	
128	217702D536	Lê Thị Thanh	Tâm	09.12.1982	CN	8,5	10,0	10,0	8,5	9,5	
129	217702D537	Lê Huy	Toàn	19.08.1990	CN	8,0	9,0	9,5	9,5	9,0	
130	217701C510	Hoàng Thị	Tú	19.06.1985	CN	8,5	9,5	9,5	9,0	9,0	
131	217702D538	Lê Anh	Tuấn	02.12.1991	CN	8,0	10,0	10,0	9,0	9,5	
132	217702D589	Lê Thị Ánh	Tuyết	21.12.1998	CN	8,0	10,0	9,5	8,5	9,0	
133	217701C511	Quách Văn	Thành	12.01.1991	CN	8,5	10,0	9,5	9,0	9,5	
134	217702D608	Lê Phương	Thảo	09.05.1998	CN	8,5	9,5	9,5	9,0	9,0	
135	217702D541	Nguyễn Thị	Thắm	05.10.1986	CN	8,0	9,5	10,0	8,5	9,0	
136	217702D542	Đới Thị	Thêu	30.03.1982	CN	8,0	8,5	10,0	9,0	9,0	
137	217701C512	Lê Thị Hải	Thuần	22.04.1984	CN	8,5	9,0	9,5	9,0	9,0	
138	217702D544	Đào Thanh	Thùy	15.07.1982	CN	8,0	8,5	9,5	9,0	9,0	
139	217702D545	Lê Minh	Thúy	16.9.1992	CN	8,0	10,0	9,5	9,0	9,0	
140	217702D546	Lê Thị	Thương	20.12.1990	CN	8,5	9,5	10,0	9,0	9,5	
141	217702D547	Trần Minh	Trang	10.12.1990	CN	8,0	10,0	10,0	8,0	9,0	
142	217702D594	Lê Thị	Trang	13.07.1994	CN	8,5	9,5	10,0	9,0	9,5	
143	217701C513	Nguyễn Thị	Vân	15.09.1976	CN	8,5	10,0	9,5	9,5	9,5	
144	217702D550	Nguyễn Phan	Vũ	29.02.1984	CN	8,0	9,0	9,0	8,5	8,5	
145	217701C514	Lê Thị	Xuân	20.09.1984	CN	8,5	9,5	10,0	9,0	9,5	
146	217701D508	Trần Thị	Yến	19.08.1998	CN	8,5	9,0	10,0	8,5	9,0	
147	218801D800	Lê Văn	An	30.08.1988	KCN	5,0	8,5	10,0	5,0	7,0	
148	228601C001	Đình Văn	Cẩm	04.10.1971	KCN	1,5	5,0	3,5	5,5	4,0	
149	228601C004	Trương Văn	Cường	30.01.1969	KCN	4,0	4,0	2,0	5,0	4,0	
150	228601C003	Nguyễn Thị	Chinh	10.05.1973	KCN	7,0	2,5	2,5	5,0	4,5	
151	207801T701	Lương Văn	Dừa	19.02.1984	KCN	4,5	3,5	2,0	5,0	4,0	
152	218601C800	Vi Văn	Điệp	28.07.1994	KCN	4,5	4,5	1,5	5,5	4,0	
153	228601C021	Lê Thị	Hà	06.06.1976	KCN	5,5	5,0	3,5	5,0	5,0	
154	217801C502	Vũ Văn	Hải	04.05.1988	KCN	5,0	2,5	5,5	5,0	4,5	
155	228601C005	Nghiêm Thị	Hằng	15.03.1971	KCN	6,0	8,5	2,5	5,5	5,5	
156	218601D800	Trần	Hoàng	25.09.1982	KCN	5,5	6,5	2,5	5,5	5,0	
157	228601C030	Trần Xuân	Huệ	12.08.1976	KCN	3,0	4,0	6,5	4,5	4,5	
158	228601C031	Vũ Thị	Huệ	03.02.1974	KCN	5,5	4,0	4,0	5,0	4,5	

TT	Mã SV	Họ lót	tên	Ngày sinh	Lớp	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
159	228601C006	Lê Đức	Hùng	17.02.1972	KCN	5,5	2,0	3,0	4,5	4,0	
160	218601C801	Nguyễn Thị	Huyền	15.07.1976	KCN	6,0	4,5	2,0	5,0	4,5	
161	218601C802	Phạm Thị	Huyền	12.10.1977	KCN	6,5	4,5	7,5	7,0	6,5	
162	228601C008	Bùi Thị	Huyền	06.10.1972	KCN	5,0	4,0	3,0	4,5	4,0	
163	217801T504	Nguyễn Văn	Hung	10.10.1985	KCN	4,0	7,5	1,0	5,0	4,5	
164	228601C020	Nguyễn Duy	Hung	19.05.1975	KCN	6,0	2,5	3,0	4,5	4,0	
165	217801C503	Lê Thị	Huong	01.01.1991	KCN	7,0	7,5	7,5	5,0	7,0	
166	228601C007	Nguyễn Thị	Hường	19.11.1972	KCN	6,0	3,0	6,5	5,0	5,0	
167	218801T803	Hoàng Đình	Khánh	16.02.2000	KCN	4,5	4,0	8,5	4,5	5,5	
168	207801Đ524	Đỗ Ngọc	Long	20.07.1985	KCN	5,0	4,0	3,0	4,5	4,0	
169	228601C009	Nguyễn Thị	Lý	20.04.1976	KCN	5,0	3,0	2,5	5,0	4,0	
170	207801D723	Nguyễn Ngọc	Mạnh	02.02.1983	KCN	5,0	2,0	1,5	6,5	4,0	
171	228601C010	Phạm Thị	Miên	12.07.1974	KCN	6,0	3,5	3,5	5,0	4,5	
172	228601C011	Lê Văn	Minh	18.10.1976	KCN	5,5	4,0	3,0	4,5	4,5	
173	228601C012	Hoàng Thị	Nụ	02.09.1976	KCN	6,0	5,5	5,5	5,0	5,5	
174	218601C804	Nguyễn Thị	Nhung	21.02.1984	KCN	6,0	4,5	4,0	5,0	5,0	
175	218801D814	Hoàng Văn	Phú	28.11.1987	KCN	6,0	6,0	2,5	4,5	5,0	
176	228601C022	Nguyễn Văn	Phuong	02.09.1970	KCN	4,5	4,0	2,5	6,0	4,5	
177	228601C013	Mai Thị	Sâm	26.03.1973	KCN	6,0	5,0	3,5	6,0	5,0	
178	218601D803	Trương Văn	Son	25.05.1973	KCN	5,5	2,5	8,5	6,5	6,0	
179	218601D804	Nguyễn Văn	Tâm	20.07.1978	KCN	5,0	1,5	3,0	5,5	4,0	
180	228601C023	Nguyễn T.Thanh	Tâm	05.10.1977	KCN	4,5	4,5	2,5	7,0	4,5	
181	217801D522	Trần Thị	Tinh	10.03.1993	KCN	7,0	6,0	3,5	7,0	6,0	
182	228601C018	Lê Thị	Tuyết	20.11.1972	KCN	5,0	2,5	7,5	6,0	5,5	
183	218601D805	Khoàng Lòng	Tư	04.04.1975	KCN	4,5	3,5	2,5	5,5	4,0	
184	228601C024	Lưu Văn	Thanh	08.09.1979	KCN	6,0	3,0	6,5	6,0	5,5	
185	218601C805	Lê Thị Thu	Thảo	11.04.1978	KCN	5,5	4,0	2,0	6,0	4,5	
186	228601C014	Cao Xuân	Thị	10.10.1974	KCN	4,0	4,5	3,5	6,0	4,5	
187	217801T507	Lương Ngọc	Thỏa	27.07.1987	KCN	4,0	4,5	2,0	6,5	4,5	
188	228601C016	Lê Công	Thuần	19.07.1969	KCN	5,0	4,5	2,5	6,0	4,5	
189	228601C025	Lê Thị	Thùy	22.12.1973	KCN	4,5	4,0	3,0	5,5	4,5	
190	228601C017	Lương Thị	Thùy	25.08.1970	KCN	5,5	2,5	10,0	6,0	6,0	
191	228601C026	Nguyễn Thị	Thúy	15.11.1972	KCN	5,5	6,0	9,5	6,0	7,0	
192	187901T533	Nguyễn Thị	Vân	14.02.1995	KCN	4,5	7,0	10,0	5,5	7,0	
193	217801C505	Trần Trọng	Vĩnh	16.06.1994	KCN	5,5	6,3	3,0	7,0	5,5	
194	228601C027	Phạm Văn	Vương	05.05.1980	KCN	3,5	7,0	9,5	5,5	6,5	
195	228601C019	Lê Thị	Xuân	12.05.1976	KCN	4,5	7,0	9,5	5,5	6,5	
196	207401C017	Trịnh Bách	Thiện	20.06.1994	KCN	6,0	7,5	9,5	7,0	7,5	
197	207401C704	Nguyễn Thị	Phuong	30.10.1992	KCN	5,0	9,0	9,5	7,0	7,5	
198	217401T501	Bùi Thị	Dung	06.10.1985	KCN	6,0	7,0	9,5	5,5	7,0	
199	217401C523	Lê Bá	Quang	04.11.1992	KCN	5,0	7,5	9,5	6,0	7,0	

INH
C
M

chy

TT	Mã SV	Họ lót	tên	Ngày sinh	Lớp	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
200	217401T508	Phạm Thị	Thu	03.05.1997	KCN	5,5	8,0	9,5	6,0	7,5	
201	218401C601	Nguyễn Thị Lan	Anh	27.05.1993	KCN	1,0	7,5	7,5	6,5	5,5	
202	218401T601	Chu Thị Tú	Anh	22.05.1993	KCN	5,5	7,0	7,5	6,0	6,5	
203	218401T603	Lâm Thị	Đông	25/09/1989	KCN	5,5	7,5	7,5	7,0	7,0	
204	218401T604	Đặng Văn	Đông	17.05.1972	KCN	3,5	7,0	7,5	5,0	6,0	
205	218401D601	Lê Thị	Giang	08.02.1996	KCN	6,5	8,5	8,5	7,5	8,0	
206	218401C605	Trương Ngọc	Hiền	03.10.1994	KCN	4,0	7,5	8,0	4,0	6,0	
207	218401T606	Nguyễn Thị	Hiền	16.12.1986	KCN	5,0	8,0	9,5	4,0	6,5	
208	218401C608	Lê Thị	Hương	12.10.1995	KCN	5,5	8,5	9,5	5,0	7,0	
209	218401D604	Đỗ Mai	Hương	08.10.1999	KCN	5,0	7,5	8,5	5,0	6,5	
210	218401C607	Lê Thu	Huyền	09.04.1993	KCN	3,5	8,0	9,5	6,0	7,0	
211	218401C614	Nguyễn Thị	Nga	10.02.1990	KCN	4,5	7,5	9,5	4,0	6,5	
212	218401D612	Trần Thị	Thùy	21.08.1997	KCN	6,5	7,5	9,5	6,0	7,5	
213	218401D801	Trần Thị Hải	Anh	19.06.1995	KCN	7,0	7,5	9,0	6,0	7,5	
214	218402C801	Trịnh Thanh	Hà	03.02.1992	KCN	2,5	8,0	8,5	5,5	6,0	
215	218401D802	Lê Thị	Hà	30.04.1994	KCN	7,0	8,5	9,5	7,0	8,0	
216	218401T803	Lê Thị	Hoa	24.06.1991	KCN	4,0	7,5	8,5	5,5	6,5	
217	218401D803	Mai Thị	Hồng	10.6.1986	KCN	6,0	8,5	9,0	5,5	7,5	
218	218401C802	Phạm Thị	Hương	26.07.1992	KCN	4,5	7,0	9,5	4,5	6,5	
219	218401C811	Hoàng Thị	Lan	15.05.1993	KCN	2,5	8,0	9,5	6,0	6,5	
220	218401C810	Dương Thị	Nhung	03.10.1990	KCN	5,0	7,5	9,5	4,0	6,5	
221	218401C808	Nguyễn Thị Huyền	Trang	07.09.1989	KCN	6,0	7,5	9,5	5,5	7,0	
222	218401C807	Nguyễn Thị	Trang	25.05.1999	KCN	5,5	8,0	9,0	6,0	7,0	
223	218401D810	Lê Ngọc	Trung	08.02.1989	KCN	3,5	8,0	8,5	5,5	6,5	
224	218401T804	Lê Anh	Tuấn	26.04.1991	KCN	1,5	8,0	9,0	7,0	6,5	
225	197401C513	Nguyễn Ngọc	Luân	21.04.1992	KCN	4,5	7,5	9,5	5,5	7,0	
226	218402T600	Nguyễn Thị Kim	Anh	04.09.1996	KCN	7,0	7,5	8,5	7,5	7,5	
227	218402C601	Trịnh Duy	Diệu	10.06.1989	KCN	6,0	7,5	8,5	5,5	7,0	
228	218402C600	Trần Văn	Hà	25.09.1975	KCN	4,5	7,5	8,5	6,0	6,5	
229	218402T603	Dương Văn	Tiến	03.03.1993	KCN	4,5	8,0	8,5	4,5	6,5	
230	218402D601	Cầm Thùy	Trang	04.03.1998	KCN	7,0	9,0	10,0	8,0	8,5	
231	218402T602	Lê Mai	Tuấn	28.09.1986	KCN	7,0	7,0	9,5	4,0	7,0	
232	218402C803	Lê Thị Kim	Liên	10.12.1998	KCN	5,0	6,0	8,5	6,0	6,5	
233	1764020030	Lê Văn	Phước		KCN	6,0	7,5	8,5	6,0	7,0	

THÀNH



Hoàng Nam

THƯ KÝ BAN CHỈ ĐẠO

Nguyễn Thế Cường